

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST

Ngày 24-3-2022

“T/c hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T -TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1-Ông Trần Văn Nhị.
2- Ông Nguyễn Hồng Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Khuru Lạc T, sinh năm 1965 và bà Đặng Thị Ngọc H, sinh năm 1986. Địa chỉ: thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (bà H có mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Khuru Lạc T: Bà Trần Thị Hồng X, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 102 khu A ấp V, xã B, huyện T, tỉnh L theo Giấy ủy quyền ngày 09-12-2022. (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993 và ông Phương Hồng A, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 27 lô G, khu phố An Hòa 3, thị trấn Thủ Thừa, huyện T, tỉnh Long An. (bà T, ông A có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 202, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12-01-2022 của nguyên đơn và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng X trình bày: Vào ngày 8-3-2021, ông T và bà H cho bà T vay số tiền là 100.000.000 đồng thời hạn vay 3 tháng, không thỏa thuận lãi suất, bà T có ký giấy vay tiền. Sau 3 tháng bà T không hoàn trả nợ, ông T có gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn Thủ Thừa giải quyết nhưng không thành. Do đó ông T, bà H yêu cầu bà T và chồng bà T là ông A phải liên đới trả 100.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi tạm tính đến ngày 08-3-2022 là 15.770.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn là bà Nguyễn Ngọc T trình bày: Ngày 08 tháng 3 năm 2021, bà T có vay của ông T số tiền là 100.000.000 đồng, bà T có ký giấy vay tiền với nội dung “ngày 8 tháng 3 năm 2020, bên vay là Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993...Số tiền cho vay 100 triệu đồng” nhưng thực tế năm vay tiền là năm 2021, giấy vay để năm 2020 là do mẫu in sẵn, giấy vay tiền lập 01 bản do ông T giữ giấy, vợ của ông T là người trực tiếp giao tiền. Khi cho vay thì hai bên không xác định rõ thời hạn trả nợ, sau này ông T mới ghi thêm vào thời hạn vay 3 tháng (từ 8/3/2020 đến 8/6/2021). Về lãi suất trong giấy vay tiền không ghi nhưng thực tế hai bên thỏa thuận lãi suất là 45%/tháng (mỗi ngày trả 1.500.000 đồng). Việc trả lãi do bà T, chồng bà T là ông A đem tiền trả tại nhà ông T, thường người nhận là vợ ông T, cũng có lúc gửi tiền trả lãi qua bà Nghi là người làm ăn chung với ông T, tổng tiền lãi đã trả là 120.000.000 đồng nhưng không có làm giấy tờ biên nhận. Nay bà T xin trả dần tiền vốn vay 100.000.000 đồng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, bà T không đồng ý trả lãi vì đã trả quá nhiều tiền lãi cho ông T.

Bị đơn là ông Phương Hồng A trình bày: Ông A biết việc bà T vay tiền của vợ chồng ông T để làm ăn, tiền lãi là 1.500.000 đồng/ngày, ông A có đến nhà ông T trả lãi, thời gian trả lãi hơn 02 tháng. Ông A đồng ý cùng với bà T trả tiền vốn cho ông T và bà H, không đồng ý trả lãi vì đã trả quá nhiều tiền lãi.

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn là bà X và bà H yêu cầu bà T và ông A trả vốn vay là 100.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Bị đơn là bà T, ông A đồng ý và xin được trả dần hàng tháng, các đương sự không thỏa thuận được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, ông T và bà H yêu cầu bà T và ông A trả tiền nợ vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi vay theo Giấy mượn tiền ghi ngày 08-3-2020, bị đơn là bà T và ông A không đồng ý trả lãi và xin trả nợ dần. Như vậy tranh chấp giữa ông T, bà H với bà T, ông A là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, căn cứ theo Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Theo lời trình bày của các đương sự và Giấy vay tiền xác định vào ngày 8 tháng 3 năm 2021, ông T và bà H có cho bà T và ông A vay số tiền là 100.000.000 đồng, có lãi suất, thời hạn vay 3 tháng. Hết thời hạn vay bên cho vay là ông T yêu cầu bên vay là bà T trả tiền vay nhưng bên vay không trả. Do đó ông T khởi kiện yêu cầu bên vay trả nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

[2.2] Về lãi, hợp đồng vay không ghi mức lãi suất cho vay, bên vay là bà T và ông A cho rằng lãi suất vay là 45% /tháng, đã trả tiền lãi hơn 02 tháng nhưng bên ông T, bà H không thừa nhận. Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu để chứng minh về mức lãi suất cho vay, số tiền lãi đã trả cho ông T và bà H nhưng bị đơn không cung cấp được. Trong khi đó bên ông T và bà H trình bày chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, do đó xác định hợp đồng vay giữa các bên có lãi nhưng không rõ về lãi suất. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu bị đơn trả lãi, do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết về tiền lãi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc bị đơn xin trả nợ dần: Bà T và ông A xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý, do pháp luật không có quy định nào khác nên không có căn cứ để cho bà T và ông A trả nợ dần.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà T và ông A phải chịu toàn bộ tiền án phí là 5.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Khuru Lạc T và bà Đặng Thị Ngọc H đối với bà Nguyễn Ngọc T và ông Phương Hồng A về hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Ngọc T và ông Phương Hồng A phải liên đới trả cho ông Khuru Lạc T và bà Đặng Thị Ngọc H số tiền vốn vay là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối số tiền chưa trả, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Khuru Lạc T và bà Đặng Thị Ngọc H đối với bà Nguyễn Ngọc T và ông Phương Hồng A về trả tiền lãi vay. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc T và ông Phương Hồng A phải liên đới chịu 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Ông Khuu Lạc T và bà Đặng Thị Ngọc H không phải chịu án phí, hoàn trả ông Khuu Lạc T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.894.000 (Hai triệu tám trăm chín mươi bốn ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0002048 ngày 04-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

5. Án này xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24-3-2022.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Tiến